

CÔNG TY CỔ PHẦN NAZO ACT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NAZO ACT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NAZO ACT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NAZO ACT .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109934921

3. Ngày thành lập: 17/03/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Ki ốt số 07 Tầng 1, Tòa OXH3, Khu nhà ở xã hội Hưng Thịnh, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0962357327

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4610
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: - Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản - Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác	4620
3.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
4.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng (Luật an toàn thực phẩm 2010; Khoản 2, Điều 15, Thông tư 43/2014/TT-BYT)	4632
5.	Bán buôn đồ uống	4633
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn nước hoa, nước thơm, dầu thơm; - Bán buôn hàng mỹ phẩm: son, phấn, kem dưỡng da và trang điểm, mỹ phẩm dùng cho mắt...; - Chế phẩm vệ sinh: xà phòng thơm, nước gội đầu, sữa tắm, chế phẩm khử mùi hôi, - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế	4649
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
9.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
10.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
11.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	4663

12.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; (Nghị định 84/2019/NĐ-CP quy định về quản lý phân bón) - Bán buôn thuốc bảo vệ thực vật ; - Kinh doanh chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải	4669
13.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
14.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
15.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
16.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt Chi tiết: Cho thuê máy nông nghiệp có cả người điều khiển	0161
17.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
18.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
19.	Khai thác gỗ	0220
20.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
21.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
22.	Khai thác và thu gom than non	0520
23.	Khai thác dầu thô	0610
24.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
25.	Khai thác quặng sắt	0710
26.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức, quản lý các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị	8230
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8299
28.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
29.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Không bao gồm Hoạt động của phòng thí nghiệm của cảnh sát)	7120
30.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp Chi tiết: - Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp - Dịch vụ chuyển giao công nghệ gồm: + Môi giới chuyển giao công nghệ; + Tư vấn, hỗ trợ chuyển giao công nghệ; + Đánh giá công nghệ; + Đơn giá công nghệ; + Giám định công nghệ; + Xúc tiến chuyển giao công nghệ (Luật chuyển giao công nghệ năm 2017)	7214(Chính)

31.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu. Gồm: - Tư vấn về nông học - Tư vấn về môi trường - Tư vấn về công nghệ khác - Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý.	7490
32.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Bán buôn thùng hộp cat-tông	4690
33.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng (Luật an toàn thực phẩm 2010; Khoản 2, Điều 15, Thông tư 43/2014/TT-BYT)	4722
34.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
35.	Sản xuất rượu vang	1102
36.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
37.	Sản xuất hoá chất cơ bản Chi tiết: Sản xuất hoá chất hữu cơ cơ bản khác	2011
38.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ Sản xuất phân bón như: - Phân đạm ni tơ nguyên chất hoặc hỗn hợp, phân lân hoặc phân kali, - Phân urê, phân lân thô tự nhiên và muối kali thô tự nhiên. (Nghị định 84/2019/NĐ-CP quy định về quản lý phân bón)	2012
39.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp Chi tiết: - Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	2021
40.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Thương mại điện tử (Điều 3, Nghị định 52/2013/NĐ-CP của Chính phủ về Thương mại điện tử và khoản 3 Điều 1 Nghị định 85/2021/NĐ-CP về Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 52/2013/nđ-cp ngày 16 tháng 5 năm 2013 của chính phủ về thương mại điện tử)	4791
41.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán hàng thông qua máy bán hàng tự động	4799
42.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: khách sạn	5510
43.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
44.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển	7730
45.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
46.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
47.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
48.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
49.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822

50.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
51.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ nước hoa, nước thơm; - Bán lẻ mỹ phẩm: son, phấn, kem, chế phẩm trang điểm mắt và đồ dùng trang điểm khác; - Bán lẻ vật phẩm vệ sinh: nước gội đầu, sữa tắm, khăn giấy thơm...	4772
52.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ phân bón (Nghị định 84/2019/NĐ-CP quy định về quản lý phân bón)	4773

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY TNHH NAZO	Số 206, phố Bùi Xương Trạch, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	3.000.000.000	30,000	0108255797	
			Tổng số	30.000	3.000.000.000	30,000		
2	LÊ BÁ CHẤN	Căn 1906, Tòa nhà 19T4 Lucky House, Tổ 22, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	35.000	3.500.000.000	35,000	038084003613	
			Tổng số	35.000	3.500.000.000	35,000		
3	NGUYỄN ĐỨC TIẾN	Đội 5, Thị trấn Thổ Tang, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	35.000	3.500.000.000	35,000	026086004156	
			Tổng số	35.000	3.500.000.000	35,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC TIẾN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/09/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 026086004156

Ngày cấp: 28/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Đội 5, Thị trấn Thổ Tang, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Đội 5, Thị trấn Thổ Tang, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội